

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 474/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/6/2020.

V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc.
2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa:
Không có.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 123/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về “ Tranh chấp Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 115/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim T, sinh năm: 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Số 92A đường số 13, Lô 2, ấp T1, xã H, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Anh H1, sinh năm: 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: 92A đường số 13, Lô 2, ấp T1, xã H, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2019 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, nguyên đơn bà Lê Thị Kim T trình bày:

Năm 2012, tôi và ông Nguyễn Anh H1 đăng ký kết hôn tại UBND phường N, Thành phố Q, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 02/2012, quyển số: 01/2012 ngày 07/02/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng gần đây vợ chồng thường xuyên gây gổ, mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do tính tình không hợp nhau. Nay vì mục đích hôn nhân không đạt được, không đem lại hạnh phúc như mong muốn nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông H1.

Về con chung có 01 trẻ tên: Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày: 03/02/2019. Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ B và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có tài sản chung.

Nợ chung: Không có nợ chung.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

* Bị đơn ông Nguyễn Anh H1 vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Anh H1 là “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”. Bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Anh H1 hiện cư trú tại huyện C, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Anh H1 đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Xét về quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Anh H1 có đăng ký kết hôn và được UBND Phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định, cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 02/2012, quyển số: 01/2012 ngày 07/02/2012.

Bà T nêu quá trình sống chung lúc đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên gây gổ, cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng và không thể chấp nhận cũng như không cứu vãn được nữa. Bà nhận thấy đời sống chung

không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, bà T không còn tình cảm với ông H1.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Anh H1 không đến Tòa án để giải quyết và không có bất cứ tác động nào cho thấy muốn hàn gắn quan hệ gia đình với bà T. Trong quá trình thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần bằng cách tổng đạt cho ông Nguyễn Anh H1 biết sự việc trên nhưng ông H1 vẫn không đến Tòa án, không có bất cứ tác động nào cho thấy ông H1 muốn hàn gắn quan hệ gia đình với bà T nên Hội đồng xét xử xét thấy bà T xin ly hôn với ông H1 là yêu cầu chính đáng. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nghị nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông H1.

[4] Về con chung có 01 trẻ tên: Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày: 03/02/2019. Bà Lê Thị Kim T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy trẻ B dưới 36 tháng tuổi hiện trẻ B đang ở ổn định với bà T. Để ổn định tâm sinh lý của trẻ, căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nghị nên giao trẻ B cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là đúng, tạm ngừng cấp dưỡng nuôi con đối với ông H1 cho đến khi bà T có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà T tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kim T là được ly hôn với ông Nguyễn Anh H1.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 02/2012, Quyền số: 01/2012 ngày 07/02/2012 của phường N, Thành phố Q, tỉnh Bình Định cấp cho bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Anh H1 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung có 01 trẻ tên: Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày: 03/02/2019. Giao cho bà Lê Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Lê Gia B. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Lê Thị Kim T phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0083396 ngày 04/02/2020 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi Cục THADS H.Củ Chi;
- UBND Phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Ngọc